

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự toán điều chỉnh, bổ sung kinh phí phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án Khu tái định cư mở rộng phía Tây Bắc khu tái định cư Quy Hòa tại khu vực 2, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15/5/2015 của Bộ Tài chính về việc Quy định việc lập dự toán, sử dụng và quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 1776/QĐ-UBND ngày 25/5/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định mức chi phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để giải phóng mặt bằng đối với các dự án, công trình trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 1800/QĐ-UBND ngày 28/5/2019, Quyết định số 5039/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 và Quyết định số 1078/QĐ-UBND ngày 27/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự toán kinh phí phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ GPMB thực hiện dự án Khu tái định cư mở rộng phía Tây Bắc khu tái định cư Quy Hòa tại khu vực 2, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 325/TTr-STC ngày 07/6/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán điều chỉnh, bổ sung kinh phí phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án Khu tái định cư mở rộng phía Tây Bắc khu tái định cư Quy Hòa tại khu vực 2, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn, với số tiền **496.758.000 đồng** (Bốn trăm chín mươi sáu triệu, bảy trăm năm mươi tám nghìn đồng); có Phụ lục chi tiết kèm theo.

Nguồn kinh phí thực hiện: Sử dụng từ nguồn 2% kinh phí phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án Khu tái định cư mở rộng phía Tây Bắc khu tái định cư Quy Hòa tại khu vực 2, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn.

Điều 2. Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh có trách nhiệm sử dụng kinh phí nêu trên đúng mục đích và thanh, quyết toán theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1800/QĐ-UBND ngày 28/5/2019, Quyết định số 5039/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 và Quyết định số 1078/QĐ-UBND ngày 27/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Trưởng ban Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT TT Nguyễn Tuấn Thanh;
- PVP KT;
- Lưu: VT, K16.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

ĐVT: đồng

STT	Nội dung chi	Dự toán	Điều chỉnh (+, -)		Dự toán sau điều chỉnh	Ghi chú
			Tăng	Giảm		
	TỔNG SỐ	496.758.000	90.110.000	-90.110.000	496.758.000	
I	Quyết định số 1800/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh	159.903.000	28.025.000	-28.025.000	159.903.000	
1	Chi phí kiểm kê, đánh giá giá trị tài sản bị thiệt hại	20.603.000		-4.393.000	16.210.000	
2	Chi phí lập phê duyệt liên quan đến công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và công khai phương án bồi thường	40.600.000		-14.726.000	25.874.000	
3	Chi phí thẩm định phương án bồi thường và thẩm định dự toán, quyết toán chi phí phục vụ công tác bồi thường, GPMB	15.990.000		-	15.990.000	
3.1	<i>Chi phí thẩm định phương án tổng thể, phương án chi tiết</i>	11.193.000		-	11.193.000	
3.2	<i>Chi phí thẩm định dự toán, quyết toán chi phí P/V công tác GPMB</i>	4.797.000		-	4.797.000	
4	Chi phục vụ kiểm tra, hướng dẫn thực hiện chính sách giải quyết những vướng mắc trong công tác bồi thường và tổ chức thực hiện chi trả bồi thường	9.400.000		-2.595.000	6.805.000	
5	Chi in ấn, phô tô tài liệu, văn phòng phẩm và xăng xe	3.751.000	333.000		4.084.000	
6	Chi thuê nhân công lao động phục vụ công tác GPMB	46.159.000	27.692.000		73.851.000	
7	Chi phí khác	23.400.000		-6.311.000	17.089.000	
7.1	<i>Chi phụ cấp kiêm nhiệm</i>	12.400.000		-3.400.000	9.000.000	
7.2	<i>Chi khác liên quan đến công tác GPMB (xăng xe phục vụ công tác GPMB, trà, nước, sửa chữa nhỏ, cước phí, công cụ dụng cụ, ngoài giờ công tác quyết toán dự án, các cuộc họp khác...)</i>	11.000.000		-2.911.000	8.089.000	
II	Quyết định số 5039/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh	170.906.000	9.549.000	-9.549.000	170.906.000	
1	Chi phí kiểm kê, đánh giá giá trị tài sản bị thiệt hại	48.417.000		-5.946.000	42.471.000	
2	Chi phí lập phê duyệt liên quan đến công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và công khai phương án bồi thường	35.115.000		-3.300.000	31.815.000	
3	Chi phí thẩm định phương án bồi thường và thẩm định dự toán, quyết toán chi phí phục vụ công tác bồi thường, GPMB	17.089.000			17.089.000	
3.1	<i>Chi phí thẩm định phương án tổng thể, phương án chi tiết</i>	11.962.000			11.962.000	
3.2	<i>Chi phí thẩm định dự toán, quyết toán chi phí P/V công tác GPMB</i>	5.127.000			5.127.000	
4	Chi phục vụ kiểm tra, hướng dẫn thực hiện chính sách giải quyết những vướng mắc trong công tác bồi thường và tổ chức thực hiện chi trả bồi thường	7.920.000	4.800.000		12.720.000	
5	Chi in ấn, phô tô tài liệu, văn phòng phẩm và xăng xe	11.314.000	2.271.000		13.585.000	
6	Chi phí đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính	4.751.000		-303.000	4.448.000	
7	Chi phí khác	46.300.000	2.478.000		48.778.000	
7.1	<i>Chi phụ cấp kiêm nhiệm</i>	22.800.000	600.000		23.400.000	
7.2	<i>Chi khác liên quan đến công tác GPMB (xăng xe phục vụ công tác GPMB, trà, nước, sửa chữa nhỏ, cước phí, công cụ dụng cụ, ngoài giờ công tác quyết toán dự án, các cuộc họp khác...)</i>	23.500.000	1.878.000		25.378.000	
III	Quyết định số 1078/QĐ-UBND ngày 27/03/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh	165.949.000	52.536.000	-52.536.000	165.949.000	
1	Chi phí kiểm kê, đánh giá giá trị tài sản bị thiệt hại	25.805.000		-23.921.000	1.884.000	
2	Chi phí lập phê duyệt liên quan đến công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và công khai phương án bồi thường	22.880.000		-22.580.000	300.000	

STT	Nội dung chi	Dự toán	Điều chỉnh (+, -)		Dự toán sau điều chỉnh	Ghi chú
			Tăng	Giảm		
3	Chi phí thẩm định phương án bồi thường và thẩm định dự toán, quyết toán chi phí phục vụ công tác bồi thường, GPMB	16.595.000			16.595.000	
3.1	<i>Chi phí thẩm định phương án tổng thể, phương án chi tiết</i>	<i>11.616.000</i>			<i>11.616.000</i>	
3.2	<i>Chi phí thẩm định dự toán, quyết toán chi phí P/V công tác GPMB</i>	<i>4.979.000</i>			<i>4.979.000</i>	
4	Chi phục vụ kiểm tra, hướng dẫn thực hiện chính sách giải quyết những vướng mắc trong công tác bồi thường và tổ chức thực hiện chi trả bồi thường	6.120.000		-2.935.000	3.185.000	
5	Chi in ấn, phô tô tài liệu, văn phòng phẩm và xăng xe	2.621.000	852.000		3.473.000	
6	Chi thuê nhân công lao động phục vụ công tác GPMB	78.828.000	47.664.000		126.492.000	
7	Chi phí khác	13.100.000	4.020.000	-3.100.000	14.020.000	
7.1	<i>Chi phụ cấp kiêm nhiệm</i>	<i>3.100.000</i>		-3.100.000		
7.2	<i>Chi khác liên quan đến công tác GPMB (xăng xe phục vụ công tác GPMB, trà, nước, sửa chữa nhỏ, cước phí, công cụ dụng cụ, ngoài giờ công tác quyết toán dự án, các cuộc họp khác...)</i>	<i>10.000.000</i>	<i>4.020.000</i>		<i>14.020.000</i>	

Ghi chú:

- Khi thanh toán tiền bồi dưỡng đi hiện trường phải có bảng chấm công.
- Khi thuê mướn phải có hợp đồng cụ thể
- Khi thanh toán các khoản chi phí khác phải có hóa đơn, chứng từ hợp lệ.
- Thành viên Tổ công tác đã được thanh toán công tác phí tại dự toán này không tiếp tục thanh toán tại cơ quan, đơn vị đang công tác.